

Quản lý khối lượng công việc trong hoạt động chuyển đổi số - phản hồi của giảng viên ngoại ngữ

Hoàng Thị Thu Hạnh*, Đàm Đức Đạt**, Trần Đình Hiếu***

*TS, **ThS, ***CN, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Received: 6/9/2024; Accepted: 12/9/2024; Published: 19/9/2024

Abstract: This article focuses on the issue of digital transformation in workload management of foreign language lecturers in order to improve work efficiency, especially in university education, where teaching and learning methods are changing rapidly. Through an actual survey of foreign language instructors at University of Foreign languages, Hue University, it has been shown that digital transformation applications in workload management are limited, while many instructors feel their workload increases due to having to learn how to use these tools themselves, due to lack of integration between management systems, etc. Thereby showing the need to invest in easy-to-use tools, technical infrastructure, and digital skills training for lecturers to improve their work efficiency.

Keywords: Digital transformation, workload, Foreign language instructors

1. Mở đầu

Quản lý (QL) khối lượng công việc (CV) trở nên cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh Chuyển đổi số (CDS) trong nhiều lĩnh vực nhằm giúp nâng cao hiệu quả CV. Với sự phát triển của công nghệ số, các phương pháp quản lý (QL) truyền thống đang dần được thay thế hoặc kết hợp với các giải pháp công nghệ hiện đại. CDS trong đào tạo đại học là một xu hướng tất yếu, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục và đáp ứng nhu cầu của xã hội trong thời đại công nghệ 4.0. Đào tạo đại học ngày càng chú trọng CDS nhằm cải thiện chất lượng dạy và học, đặc biệt là để có thể chuẩn bị cho nguồn nhân lực tương lai tiếp cận với các ứng dụng công nghệ thông tin, phương thức làm việc hiện đại. Tuy nhiên, thực tế GV đã tận dụng được kết quả của quá trình CDS hay chưa, mong đợi của họ là gì? cần những giải pháp nào để CDS thực sự hữu ích với GV ngoại ngữ? Đó là những câu hỏi đề tài nghiên cứu của chúng tôi đã tìm hiểu để có thể phản ánh một phần thực trạng quá trình này và đưa ra các hướng đề xuất phù hợp cho cơ sở đào tạo ở bậc đại học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chuyển đổi số trong quản lý công việc

CDS (Digital Transformation) là quá trình sử dụng công nghệ số để thay đổi cơ bản cách thức hoạt động của một tổ chức, doanh nghiệp hoặc hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả, cải thiện trải nghiệm khách hàng, và tạo ra giá trị mới.

CDS trong QL khối lượng CV là việc áp dụng công nghệ số vào quy trình phân bổ, theo dõi, và tối

ưu hóa khối lượng CV của tổ chức nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng tính linh hoạt, và cải thiện khả năng ra quyết định trong QL. Dưới đây là một cái nhìn tổng quan về cách CDS ảnh hưởng đến QL khối lượng CV:

2.1.1. Số hóa và tự động hóa quy trình làm việc: CDS cho phép tự động hóa các quy trình QL CV mà trước đây được thực hiện thủ công nhằm giảm bớt gánh nặng cho nhân viên và giảm sai sót do con người gây ra. Một số công nghệ nổi bật bao gồm:

- Quy trình làm việc tự động;
- AI và Machine Learning.

2.1.2. Tăng tính minh bạch và hiệu quả thông qua công cụ số: Sử dụng các nền tảng QLCV số như Asana, Trello, Monday.com:

- Theo dõi tiến độ trực quan: Các bảng kanban, biểu đồ Gantt, hoặc các phương pháp khác
- Phân bổ tài nguyên linh hoạt: giảm thiểu tình trạng quá tải hoặc phân bổ không hợp lý.

2.1.3. Làm việc từ xa và kết nối toàn cầu: Các công cụ số: điện toán đám mây và các công cụ cộng tác trực tuyến như Microsoft Teams, Slack

2.1.4. Tối ưu hóa thời gian và nguồn lực: CDS giúp doanh nghiệp tối ưu hóa việc QL thời gian và nguồn lực thông qua các giải pháp như:

- Công cụ QL thời gian: Các phần mềm như RescueTime, Toggl;
- Phân tích dữ liệu khối lượng CV: nhằm đưa ra các đề xuất về cách phân bổ tài nguyên và cải thiện quy trình.

2.1.5. Thách thức trong CDS QL khối lượng CV:

Mặc dù CDS mang lại nhiều lợi ích, vẫn có một số thách thức cần đổi mới:

- Chống quá tải thông tin: QL dữ liệu và thông tin có thể trở nên phức tạp và quá tải;
- Thay đổi tư duy và kỹ năng làm việc: đòi hỏi sự thay đổi tư duy và cách làm việc của nhân viên;
- Đầu tư vào công nghệ: cần có chiến lược đầu tư vào các công nghệ phù hợp và cân nhắc giữa chi phí đầu tư ban đầu và lợi ích dài hạn.

Như vậy, CDS trong QL khối lượng CV không chỉ là sự thay đổi về công cụ, mà còn là sự chuyển đổi trong cách tổ chức vận hành và QL nguồn lực. Tận dụng công nghệ giúp QLCV hiệu quả hơn, tăng năng suất và khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên, đơn vị cần phải chuẩn bị sẵn sàng về mặt chiến lược, văn hóa tổ chức và kỹ năng cho quá trình chuyển đổi này.

2.2. Thực tiễn trong đào tạo đại học tại Việt Nam

- CDS trong đào tạo đại học: Có nhiều trường đại học tại Việt Nam đã đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm mạng lưới Internet tốc độ cao và trang thiết bị hiện đại. Điều này giúp các trường có thể triển khai các hệ thống QL học tập (LMS - Learning Management System) và các nền tảng học trực tuyến một cách hiệu quả

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến: Trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), và điện toán đám mây (Cloud Computing)

2.2.1. Giảng dạy và học tập số: Học trực tuyến: triển khai các lớp học trực tuyến và sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập như Zoom, Microsoft Teams, và Google Classroom.

Số hóa tài liệu học tập: tạo ra các kho tài liệu số để dễ dàng truy cập và học tập từ xa.

2.2.2. QL số: Hệ thống QL học tập: hệ thống QL học tập (LMS) để QL quá trình học tập của sinh viên (SV), từ việc đăng ký môn học, theo dõi tiến độ học tập đến đánh giá kết quả học tập.

2.2.3. QL dữ liệu: giúp nâng cao hiệu quả QL và giảm thiểu sai sót.

Về QL khối lượng CV, giảng viên (GV) có thể dùng rất nhiều công cụ hiện đại và đa dạng.

2.2.4. Hệ thống QL khối lượng CV tự động

- Phần mềm QL trường học: Hệ thống QL đào tạo (LMS) để QL lịch giảng dạy, phân bổ giờ dạy, và theo dõi tiến độ (có thể tính toán khối lượng CV GV dựa trên các yếu tố như số giờ giảng dạy, số lượng SV, các hoạt động ngoại khóa, và nghiên cứu khoa học).

- Ví dụ: Moodle, Blackboard, Canvas, hoặc phần mềm riêng cho từng trường.

2.2.5. Cơ sở dữ liệu và hệ thống QL hồ sơ

- Cơ sở dữ liệu GV: chứa thông tin về GV, các khóa học, và thời gian làm việc. Mỗi GV sẽ có một hồ sơ riêng chứa thông tin về lịch giảng dạy, giờ làm việc, các nhiệm vụ ngoài giảng dạy (nghiên cứu, hướng dẫn SV, QL hành chính, vv.).

- Tích hợp với các công cụ phân tích: để tự động tính toán và lập báo cáo về khối lượng CV hàng tháng hoặc hàng năm cho từng GV.

2.2.6. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và máy học (ML): Phân tích khối lượng CV dựa trên AI: AI có thể phân tích khối lượng CV GV dựa trên các dữ liệu lịch sử, số giờ giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động khác. Hệ thống này có thể dự đoán khối lượng CV trong tương lai và cung cấp các khuyến nghị để tối ưu hóa thời gian làm việc của GV.

2.2.7. Ứng dụng công nghệ đám mây: Các ứng dụng trên nền tảng đám mây như Google Workspace, Microsoft Office 365 có thể giúp các trường đại học QL khối lượng CV và giao tiếp giữa GV và bộ phận QL một cách dễ dàng. GV có thể cập nhật lịch làm việc, báo cáo trực tuyến và truy cập dữ liệu từ bất kỳ đâu.

2.2.8. Ứng dụng di động và trang web QL

- Ứng dụng di động: để QL và theo dõi khối lượng CV hàng ngày, tuần hoặc tháng. Ứng dụng có thể gửi thông báo nhắc nhở về các nhiệm vụ sắp đến, hỗ trợ GV QL thời gian hiệu quả hơn.

- Ví dụ: Ứng dụng QL lịch dạy học, báo cáo tiến độ, và các CV nghiên cứu.

2.2.9. Tích hợp với hệ thống QL nhân sự (HRM)

Kết nối với hệ thống HRM: Một hệ thống QL khối lượng CV có thể tích hợp với phần mềm QL nhân sự của trường. Điều này cho phép tính toán chính xác các yếu tố liên quan đến lương thưởng, chế độ làm việc, nghỉ phép, và đánh giá hiệu suất.

2.2.10. Công cụ báo cáo và thống kê trực quan

Phần mềm báo cáo: Các công cụ như Power BI, Tableau hoặc Google Data Studio có thể giúp tạo các báo cáo trực quan về khối lượng CV của GV. Những báo cáo này có thể hiển thị thông tin về số giờ giảng dạy, số lượng SV, các nhiệm vụ nghiên cứu và CV QL để dễ dàng theo dõi và đưa ra quyết định.

2.2.11. Giải pháp tùy chỉnh theo yêu cầu

- Phần mềm tùy chỉnh: Phát triển một phần mềm tùy chỉnh theo yêu cầu riêng của từng trường đại học, phù hợp với quy định và mô hình tổ chức của từng cơ sở giáo dục. Các chức năng có thể bao gồm: phân tích khối lượng CV, báo cáo, QL thời gian, và tích hợp với các hệ thống hiện có.

2.2.12. Hệ thống đánh giá khối lượng CV theo tiêu chuẩn

- Tiêu chuẩn hóa khối lượng CV: Xây dựng các quy tắc và tiêu chuẩn rõ ràng trong việc tính khối lượng CV. Hệ thống CNTT sẽ dựa trên các quy định này để tự động tính toán và đảm bảo công bằng giữa các GV. Điều này có thể dựa trên các yếu tố như số lượng giờ giảng dạy, số lượng SV, và các hoạt động ngoại khóa.

2.2.13. Blockchain để QL thông tin minh bạch

- Blockchain: Công nghệ blockchain có thể đảm bảo tính minh bạch và không thay đổi trong việc lưu trữ và QL khối lượng CV của GV.

Việc ứng dụng CNTT vào quy trình tính khối lượng CV của GV giúp nâng cao hiệu suất QL, giảm thiểu sai sót, và tăng cường tính minh bạch. Lựa chọn giải pháp phù hợp tùy thuộc vào quy mô của trường học và yêu cầu cụ thể của từng tổ chức.

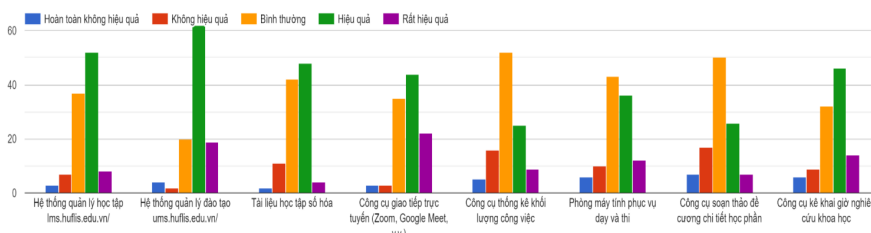
2.3. Phân hồi của GV giảng dạy ngoại ngữ về việc QL khối lượng CV

Chúng tôi đã thực hiện khảo sát để biết rõ hơn về thực trạng CDS tại đơn vị đào tạo, đặc biệt dưới góc nhìn của GV - nhân lực chủ chốt và trực tiếp tham gia vào công tác đào tạo. 107 GV của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế ở 8 khoa khác nhau đã tham gia trả lời khảo sát.

Theo các GV tham gia khảo sát, CDS trong đào tạo gồm các yếu tố chính là ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, QL đào tạo, là hệ thống QL học tập LMS, là các nguồn học liệu số. So với khung lý thuyết thì đây là 1 trong các thành tố của CDS. Nhưng điều này cho thấy những yếu tố trên gắn liền mật thiết với GV, với CV giảng dạy.

Về nhận định của GV về mức độ hiệu quả của ứng dụng công nghệ số tại trường, các ứng dụng về QL học tập LMS, QL đào tạo UMS, công cụ dạy trực tuyến, nguồn tài liệu số, và công cụ kê khai giờ nghiên cứu khoa học là hiệu quả. Các ứng dụng khác như thống kê khối lượng công cụ, phóng máy tính, công cụ soạn đề cương chi tiết học phần còn hạn chế.

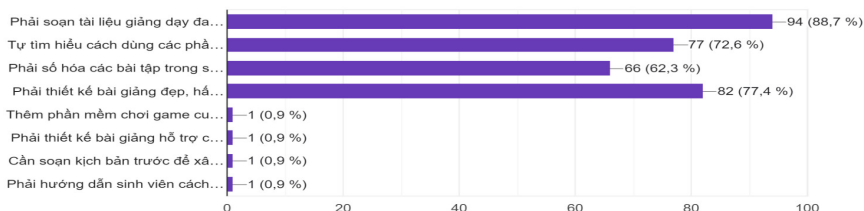
1. Thầy/Cô cho biết mức độ hiệu quả về những công nghệ số tại cơ sở đào tạo



Biểu đồ 2.1. Mức độ hiệu quả về những công nghệ số tại cơ sở đào tạo

Một phản hồi đáng chú ý của đa số GV khi nói đến giảng dạy trực tuyến, mặc dù nhiều công cụ hỗ trợ hơn nhưng khối lượng CV của GV lại nhiều hơn (79.4%). Nhiều lý do giải thích cho điều này là: Phải soạn tài liệu giảng dạy đa phương tiện (video, trình chiếu...); Tự tìm hiểu cách dùng các phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng trực tuyến; Phải số hóa các bài tập trong sách; Phải thiết kế bài giảng đẹp, hấp dẫn, sinh động, tăng tương tác, hoạt động làm việc nhóm; hướng dẫn SV sử dụng công cụ học tập, tự học; Soạn kịch bản giảng dạy hợp lý; phải nhập dữ liệu ban đầu nhiều.

7. Lý do khối lượng công việc tăng lên ?
106 réponses

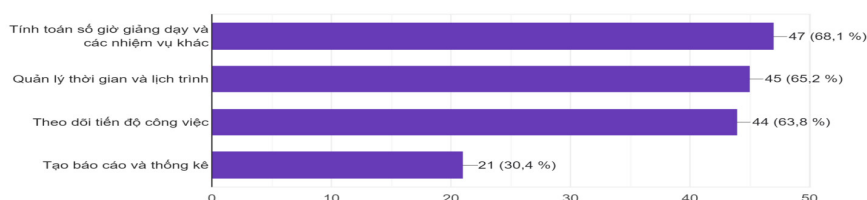


Biểu đồ 2.2. Lý do khối lượng công việc tăng lên

Để QL khối lượng CV, hơn 50% GV đã sử dụng công nghệ. Các công cụ được sử dụng nhiều nhất đó là Hệ thống QL đào tạo của trường UMS, đây là trang web có tài khoản của GV lưu thời khóa biểu theo học kì, thời gian bắt đầu và kết thúc giảng dạy trong một học kì của từng nhóm học phần, trang QL đào tạo trực tuyến LMS của trường, trang lưu các khóa học trực tuyến theo học kì, để tổng kết thì GV dùng bảng tính Excel. Còn rất ít người dùng các ứng dụng, phần mềm QL CV Asana, Trello,... Nhìn chung, các ứng dụng QL khối lượng CV GV sử dụng còn rất hạn chế.

Cụ thể, các công cụ này được sử dụng nhằm mục đích sau:

15. Thầy/Cô sử dụng các công cụ này với mục đích gì? (Chọn tất cả những gì phù hợp)
69 réponses



Biểu đồ 2.3. Mục đích sử dụng các công cụ quản lý khối lượng công việc

Về hiệu quả, đa số nhận định các công cụ này có thể hỗ trợ cho việc QL khối lượng CV, tuy vẫn còn những GV nhận thấy chúng chưa hiệu quả, còn gặp những khó khăn do khó sử dụng, giao diện không thân thiện, thiếu tính năng cần thiết, thiếu hỗ trợ kỹ thuật, thiếu kỹ năng sử dụng, đặc biệt là không có sự tích hợp với các công cụ khác.

Cuối cùng, khảo sát của nghiên cứu đã nhận được các đề xuất: (1) Mong muốn có các ứng dụng với giao diện rõ ràng, dễ sử dụng, tích hợp với các hệ thống dữ liệu, có chức năng thống kê, báo cáo; (2) Các ứng dụng hỗ trợ đa nền tảng có thể QL bằng điện thoại; (3) Có thể tự động cập nhật và đồng bộ hóa dữ liệu; (4) Việc lưu trữ và bảo mật thông tin. Để GV tập trung chuyên môn, có nhiều thời gian soạn bài và giảng dạy, thì các công cụ hỗ trợ này càng ngày càng quan trọng đặc biệt trong xu thế CDS hiện nay.

3. Kết luận

Quá trình CDS trong QL khối lượng CV GV

CDS. Để quá trình CDS thực sự mang lại hiệu quả, cần có sự đầu tư toàn diện về cả hạ tầng, kỹ thuật lẫn đào tạo nhân lực, từ đó giúp GV có nhiều thời gian hơn cho chuyên môn, giảm bớt gánh nặng QL khối lượng CV.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn, V. D. (2020). *CDS trong giáo dục: Thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 62(4), 45-52.
- [2]. Phạm, T. M. H. (2021). *Tác động của CDS đến giáo dục đại học Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục và Xã hội, 5(115), 34-40.
- [3]. Đỗ, T. P. T. (2022). Đánh giá sự phát triển của hệ thống giáo dục số tại Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học, 15(2), 102-110.
- [4]. Vũ, T. P., & Phạm, V. H. (2021). *CDS trong giáo dục: Cơ hội và thách thức đối với các trường đại học Việt Nam*. Tạp chí Giáo dục, 482(2), 25-32.

Biện pháp phát triển đội ngũ giáo viên... (tiếp theo trang 341)

công tác quản lý phát triển ĐNGV mầm non theo chuẩn nghề nghiệp tại các trường mầm non huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới GD&ĐT của nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành TƯ Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*. Hà Nội
2. Thủ tướng chính Phủ (2019), *Quyết định số 33/2019/QĐ - TTg ngày 08/01/2019 về Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025”*, Hà Nội
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Điều lệ trường*

mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non. Hà Nội

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Tài liệu hướng dẫn tích hợp nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong giáo dục mầm non*. Hà Nội
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT, Chuẩn hiệu trưởng cơ sở GDMN*. Hà Nội
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp GV mầm non*. Hà Nội
7. Bộ Nội vụ (2015), *Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập*. Hà Nội